

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1162/GDĐT-CTTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2018

Về việc thực hiện công tác Bảo hiểm
y tế học sinh năm 2018.

Kính gửi:

- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo 24 Quận/Huyện;
- Hiệu trưởng các trường THPT;
- Giám đốc Trung tâm GDNN – GDTX;
- Hiệu trưởng các trường CĐ – TCCN trực thuộc;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc.

TRƯỞNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG	
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
Số: 334	
ĐẾN Ngày: 16/4/18	
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

Căn cứ công văn số 2962/VP-VX của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố ngày 23 tháng 03 năm 2018 về tham mưu văn bản chỉ đạo tăng cường tham gia Bảo hiểm y tế cho đối tượng học sinh, sinh viên;

Căn cứ công văn số 457/BHXX-QLT của Bảo hiểm xã hội Thành phố ngày 08 tháng 03 năm 2018 về tiếp tục thực hiện Bảo hiểm y tế Học sinh sinh viên năm học 2017 – 2018;

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng các đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

1. Hoàn thành chỉ tiêu 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế trong năm 2018 theo chủ trương chung của Thành phố. Hiện nay Bảo hiểm xã hội Thành phố thống kê học sinh toàn thành phố tham gia bảo hiểm đến tháng 02 năm 2018 là 86,47%, trong đó có một số trường đạt tỷ lệ thấp (số liệu đính kèm).

2. Thực hiện tuyên truyền cho phụ huynh học sinh và học sinh, sinh viên về quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia bảo hiểm y tế.

3. Nhà trường huy động từ phía Ban đại diện cha mẹ học sinh, các mạnh thường quân hỗ trợ bảo hiểm y tế cho các em khó khăn nhưng không nằm trong diện học sinh nghèo của địa phương nhằm tăng cường các biện pháp thực hiện công tác bảo hiểm y tế học sinh.

Mọi thắc mắc vui lòng liên hệ Phòng Chính trị tư tưởng, bộ phận thường trực: bà Phạm Thị Thu Hiền, số điện thoại: 0908.626.798, email: phthien.sgddt@tphcm.gov.vn.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở GD&ĐT;
- BHXH TP;
- Lưu: VP, CTTT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Bùi Thị Diễm Thu

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỌC CÓ TỶ LỆ HSSV THAM GIA BHYT DƯỚI 90%
NĂM HỌC 2017-2018 (KHỎI SỞ GD & ĐT)**

(Số liệu tính đến ngày 08/03/2018 - Đính kèm CV 457/BHXXH-QLT ngày 08/03/2018)

STT	KHỎI QUẢN LÝ			Tổng số HSSV đang quản lý	70%	Tổng số thẻ khác	Trong đó tham gia theo HGD	Tổng	Tỷ lệ %	Ghi chú
	Tên trường, Trung tâm	Mã đơn vị	Cấp quản lý							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trường THCS, THPT Châu á Thái Bình Dương	BD0048A	Sở GD&ĐT	47	10	-	-	10	21.28%	Q.1
2	Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên	BD0028A	Sở GD&ĐT	720	503	-	-	503	69.86%	Q.1
3	Trường THPT Năng Khiếu Thê Dục Thê Thao TP.HCM	BD0046A	Sở GD&ĐT	591	450	-	-	450	76.14%	Q.1
4	Trường PTTH Ten Lơ Man	BD0032A	Sở GD&ĐT	1.683	1.353	-	-	1.353	80.39%	Q.1
5	Trường TH, THCS, THPT úc Châu	BD0040A	Sở GD&ĐT	166	136	-	-	136	81.93%	Q.1
6	Trường THPT Lương Thế Vinh	BD0031A	Sở GD&ĐT	2.488	2.175	-	-	2.175	87.42%	Q.1
7	Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên	BD0016B	Sở GD&ĐT	105	21			21	20.00%	Q.2
8	Trường THPT Thủ Thiêm	BD0019B	Sở GD&ĐT	1.369	1.133			1.133	82.76%	Q.2
9	Trường Trung Cấp Nghề Nhân Đạo	BD0049C	Sở GD&ĐT	479	143	-		143	29.85%	Q.3
10	Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên Quận 3	BD0034C	Sở GD&ĐT	679	350	27		377	55.52%	Q.3
11	Trường Tiểu Học, THCS & THPT Quốc Tế á Châu	BD0045C	Sở GD&ĐT	7.340	6.278	-		6.278	85.53%	Q.3
12	Trường THPT Dân Lập Bắc Mỹ	BD0046C	Sở GD&ĐT	563	506	-		506	89.88%	Q.3
13	Trường PTTH Nguyễn Trãi	BD0022D	Sở GD&ĐT	1.744	1.240	-	-	1.240	71.10%	Q.4
14	Trường PTTH Nguyễn Hữu Thọ	BD0023D	Sở GD&ĐT	1.667	1.338	-	-	1.338	80.26%	Q.4
15	Trường trung cấp Nguyễn Tất Thành (ND0017D)	BD0028D	Sở GD&ĐT	368	101	-	-	101	27.45%	Q.4
16	TRƯỜNG TRUNG CẤP CỬU LONG	BD0935E	Sở GD&ĐT	110	34	-	-	34	30.91%	Q.5
17	TRƯỜNG THPT THẮNG LONG	BD0930E	Sở GD&ĐT	774	573	-	-	573	74.03%	Q.5
18	Trung cấp Bến thành	BD0025F	Sở GD&ĐT	404	81	-	-	81	20.05%	Q.6
19	Trường THCS, THPT Phan Bội Châu	BD0036F	Sở GD&ĐT	27	18	-	-	18	66.67%	Q.6
20	Trường THPT Đào Duy Anh	BD0038F	Sở GD&ĐT	212	154	25	-	179	84.43%	Q.6

STT	KHỐI QUẢN LÝ			Tổng số HSSV đang quản lý	70%	Tổng số thẻ khác	Trong đó tham gia theo HGD	Tổng	Tỷ lệ %	Ghi chú
	Tên trường, Trung tâm	Mã đơn vị	Cấp quản lý							
21	TT Giáo Dục Thường Xuyên Quận 6	BD0009F	Sở GD&ĐT	455	349	51	-	400	87.91%	Q.6
22	Trường THPT Quốc Trí	BD0037F	Sở GD&ĐT	160	141	-	-	141	88.13%	Q.6
23	Trường Trung Cấp Kinh Tế-Kỹ Thuật Nguyễn Hữu Cánh	BD0004G	Sở GD&ĐT	1.010	449			449	44.46%	Q.7
24	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Quận 7	BD0039G	Sở GD&ĐT	320	175			175	54.69%	Q.7
25	Công Ty CP Khai Sáng	BD0038G	Sở GD&ĐT	203	149			149	73.40%	Q.7
26	Trường THPT Tân Phong	BD0017G	Sở GD&ĐT	1.577	1.208			1.208	76.60%	Q.7
27	Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên	BD0041H	Sở GD&ĐT	350	85			85	24.29%	Q.8
28	Trường THPT NK TDTT Nguyễn Thị Định	BD0046H	Sở GD&ĐT	1.641	954			954	58.14%	Q.8
29	Trường THPT Lương Văn Can	BD0038H	Sở GD&ĐT	1.986	1.550			1.550	78.05%	Q.8
30	Trường THPT Tạ Quang Bửu	BD0036H	Sở GD&ĐT	1.500	1.247			1.247	83.13%	Q.8
31	Trường TCKT & NV Nam Sài Gòn	BD0035H	Sở GD&ĐT	2.300	1.967			1.967	85.52%	Q.8
32	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	BD0037H	Sở GD&ĐT	972	851			851	87.55%	Q.8
33	Trường THPT Võ Văn Kiệt	BD0045H	Sở GD&ĐT	1.720	1.515			1.515	88.08%	Q.8
34	Trường THPT Ngô Gia Tự	BD0039H	Sở GD&ĐT	1.570	1.394			1.394	88.79%	Q.8
35	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên	BD0039I	Sở GD&ĐT	290	167			167	57.59%	Q.9
36	Trường Trung cấp Việt Giao	BD0013J	Sở GD&ĐT	347	81			81	23.34%	Q.10
37	Trường TC Vạn Tường	BD0039J	Sở GD&ĐT	129	37			37	28.68%	Q.10
38	TT Giáo Dục Thường xuyên Q.10	BD0031J	Sở GD&ĐT	602	225			225	37.38%	Q.10
39	Trường TH, THCS và THPT Hòa Bình	BD0035J	Sở GD&ĐT	755	541			541	71.66%	Q.10
40	TRƯỜNG TH&THCS&THPT Vạn hạnh	BD0034J	Sở GD&ĐT	726	614			614	84.57%	Q.10
41	TRƯỜNG GD CHUYÊN BIỆT 15 /5 QUẬN 11	BD0003K	Sở GD&ĐT	67	20			20	29.85%	Q.11
42	TRƯỜNG TH DL VIỆT MỸ	BD0019K	Sở GD&ĐT	407	196			196	48.16%	Q.11
43	TRƯỜNG TH VIỆT MỸ ÚC	BD0036K	Sở GD&ĐT	36	23			23	63.89%	Q.11
44	TRƯỜNG TH THÁI PHIÊN	BD0016K	Sở GD&ĐT	392	250			250	63.78%	Q.11
45	TRƯỜNG TH HÒA BÌNH	BD0007K	Sở GD&ĐT	900	606			606	67.33%	Q.11
46	TRƯỜNG TH NGUYỄN THỊ	BD0032K	Sở GD&ĐT	466	328			328	70.39%	Q.11
47	TRƯỜNG TH DL BÌNH THỚI	BD0023K	Sở GD&ĐT	130	93			93	71.54%	Q.11
48	TRƯỜNG TH NGUYỄN BÁ NGỌC	BD0018K	Sở GD&ĐT	536	430			430	80.22%	Q.11
49	TRƯỜNG TH PHẠM VĂN HAI	BD0029K	Sở GD&ĐT	550	453			453	82.36%	Q.11
50	TRƯỜNG TH HÀN HẢI NGUYỄN	BD0022K	Sở GD&ĐT	830	688			688	82.89%	Q.11

STT	KHỐI QUẢN LÝ			Tổng số HSSV đang quản lý	70%	Tổng số thẻ khác	Trong đó tham gia theo HGD	Tổng	Tỷ lệ %	Ghi chú
	Tên trường, Trung tâm	Mã đơn vị	Cấp quản lý							
51	TRƯỜNG TH ĐỀ THẨM	BD0027K	Sở GD&ĐT	658	547			547	83.13%	Q.11
52	TRƯỜNG TH TRẦN VĂN ON	BD0004K	Sở GD&ĐT	1.146	972			972	84.82%	Q.11
53	TRƯỜNG TH ÂU CƠ	BD0028K	Sở GD&ĐT	426	362			362	84.98%	Q.11
54	TRƯỜNG TH DL APU	BD0005K	Sở GD&ĐT	40	34			34	85.00%	Q.11
55	TRƯỜNG TH HÙNG VIỆT	BD0031K	Sở GD&ĐT	1.154	983			983	85.18%	Q.11
56	TRƯỜNG TH ĐẠI THÀNH	BD0010K	Sở GD&ĐT	630	539			539	85.56%	Q.11
57	TRƯỜNG TH QUYẾT THẮNG	BD0011K	Sở GD&ĐT	598	513			513	85.79%	Q.11
58	TRƯỜNG THCS VIỆT MỸ	BD0037K	Sở GD&ĐT	208	65			65	31.25%	Q.11
59	TRƯỜNG THCS HẬU GIANG	BD0035K	Sở GD&ĐT	1.558	1.124			1.124	72.14%	Q.11
60	TRƯỜNG THCS LÊ ANH XUÂN	BD0015K	Sở GD&ĐT	1.520	1.075			1.075	70.72%	Q.11
61	TRƯỜNG THCS PHÚ THỌ	BD0025K	Sở GD&ĐT	1.566	1.170			1.170	74.71%	Q.11
62	TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ	BD0014K	Sở GD&ĐT	1.313	1.081			1.081	82.33%	Q.11
63	TRƯỜNG THCS NGUYỄN MINH HOÀNG	BD0026K	Sở GD&ĐT	470	391			391	83.19%	Q.11
64	TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN	BD0009K	Sở GD&ĐT	1.600	1.358			1.358	84.88%	Q.11
65	TRƯỜNG THPT VIỆT MỸ ANH	BD0012K	Sở GD&ĐT	110	22			22	20.00%	Q.11
66	TRƯỜNG THCS & THPT QUỐC TẾ APU	BD0043K	Sở GD&ĐT	166	49			49	29.52%	Q.11
67	TRUNG TÂM GD THƯỜNG XUYÊN Q11	BD0033K	Sở GD&ĐT	212	89			89	41.98%	Q.11
68	TRƯỜNG TH, THCS, THPT TUỆ ĐỨC	BD0044K	Sở GD&ĐT	132	72			72	54.55%	Q.11
69	TRƯỜNG THPT TRẦN NHÂN TÔNG	BD0030K	Sở GD&ĐT	206	173			173	83.98%	Q.11
70	TRƯỜNG THPT TRẦN QUANG KHẢI	BD0006K	Sở GD&ĐT	2.400	2.102			2.102	87.58%	Q.11
71	Trường Trung Cấp Việt Khoa (NX0073X)	BD0051X	Sở GD&ĐT	242	78			78	32.23%	Q.12
72	Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên Q12 (SX0044X)	BD0010X	Sở GD&ĐT	1.645	551			551	33.50%	Q.12
73	Trường THPT Việt Âu (NX0060X)	BD0044X	Sở GD&ĐT	958	356			356	37.16%	Q.12
74	Trường Trung Cấp Bách Khoa Tp.hcm (NX0012X)	BD0036X	Sở GD&ĐT	476	200			200	42.02%	Q.12
75	Trường THCS & THPT Hoa Lư (NX0033X)	BD0038X	Sở GD&ĐT	353	308			308	87.25%	Q.12
76	Trường THPT Thanh Lộc (SX0069X)	BD0052X	Sở GD&ĐT	1.670	1.478			1.478	88.50%	Q.12
77	Trường GDCB Khai Trí	BD0054L	Sở GD&ĐT	179	23	-		23	12.85%	Q.BÌNH THẠNH
78	Trường Giáo Dục Chuyên Biệt Anh Minh	BD0031L	Sở GD&ĐT	245	84	-		84	34.29%	Q.BÌNH THẠNH
79	TRƯỜNG TH, THCS, THPT MÙA XUÂN	BD0114L	Sở GD&ĐT	817	322	-		322	39.41%	Q.BÌNH THẠNH
80	Trường THPT Trần Văn Giàu	BD0111L	Sở GD&ĐT	1.890	1.190	-		1.190	62.96%	Q.BÌNH THẠNH

STT	KHỐI QUẢN LÝ			Tổng số HSSV đang quản lý	70%	Tổng số thẻ khác	Trong đó tham gia theo HGD	Tổng	Tỷ lệ %	Ghi chú
	Tên trường, Trung tâm	Mã đơn vị	Cấp quản lý							
81	Trường tiểu học Việt Mỹ	BD0027L	Sở GD&ĐT	72	52	-		52	72.22%	Q.BÌNH THẠNH
82	Trường THPT Đông Đô	BD0048L	Sở GD&ĐT	148	111	-		111	75.00%	Q.BÌNH THẠNH
83	Trường THPT Hưng Đạo	BD0104L	Sở GD&ĐT	93	72	-		72	77.42%	Q.BÌNH THẠNH
84	TRƯỜNG TH, THCS, THPT Vinschool	BD0115L	Sở GD&ĐT	1.447	1.192	-		1.192	82.38%	Q.BÌNH THẠNH
85	Trường TH Trí Đức	BD0011L	Sở GD&ĐT	35	31	-		31	88.57%	Q.BÌNH THẠNH
86	TRƯỜNG TC TỔNG HỢP TP.HCM	BD0045M	Sở GD&ĐT	90	16			16	17.78%	Q.GÒ VẤP
87	TRƯỜNG TC KTKT SÀI GÒN	BD0043M	Sở GD&ĐT	120	28			28	23.33%	Q.GÒ VẤP
88	TT GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN	BD0030M	Sở GD&ĐT	725	227			227	31.31%	Q.GÒ VẤP
89	TRƯỜNG CĐ KTCN VẠN XUÂN	BD0058M	Sở GD&ĐT	35	11			11	31.43%	Q.GÒ VẤP
90	TRƯỜNG CĐ MIỀN NAM	BD0054M	Sở GD&ĐT	682	344			344	50.44%	Q.GÒ VẤP
91	TRƯỜNG CĐ VHNT&DL SÀI GÒN	BD0048M	Sở GD&ĐT	749	414			414	55.27%	Q.GÒ VẤP
92	CTY TNHH GD&ĐT>NNL HỒNG ĐỨC	BD0039M	Sở GD&ĐT	845	518			518	61.30%	Q.GÒ VẤP
93	TR THCS - THPT PHẠM NGŨ LÃO	BD0050M	Sở GD&ĐT	545	382			382	70.09%	Q.GÒ VẤP
94	TRƯỜNG THCS - THPT BẠCH ĐĂNG	BD0051M	Sở GD&ĐT	80	64			64	80.00%	Q.GÒ VẤP
95	TRƯỜNG TC ẬU VIỆT	BD0064M	Sở GD&ĐT	125	102			102	81.60%	Q.GÒ VẤP
96	TR THPT PHÙNG HUNG	BD0055M	Sở GD&ĐT	112	96			96	85.71%	Q.GÒ VẤP
97	TRƯỜNG THPT GÒ VẤP	BD0041M	Sở GD&ĐT	1.810	1.605			1.605	88.67%	Q.GÒ VẤP
98	TR TH- THCS - THPT NG TRI PHƯƠNG	BD0066M	Sở GD&ĐT	46	41			41	89.13%	Q.GÒ VẤP
99	Trường Trung cấp Hồng Hà	BD0031N	Sở GD&ĐT	70	8	3		11	15.71%	Q.PHÚ NHUẬN
100	Trường THPT Dân lập Đăng Khoa	BD0027N	Sở GD&ĐT	375	217	-		217	57.87%	Q.PHÚ NHUẬN
101	Trung Tâm Giáo dục Nghề nghiệp - GDTX quận Tân Bình	BD0071O	Sở GD&ĐT	1.171	285	-		285	24.34%	Q.TÂN BÌNH
102	Trường Trung Cấp Tổng Hợp Sài Gòn	BD0058O	Sở GD&ĐT	38	12			12	31.58%	Q.TÂN BÌNH
103	Trường Tiểu Học, THCS, THPT Việt Mỹ	BD0069O	Sở GD&ĐT	270	177			177	65.56%	Q.TÂN BÌNH
104	Trường TH-THCS & THPT Thái Bình Dương	BD0059O	Sở GD&ĐT	225	180			180	80.00%	Q.TÂN BÌNH
105	Trung Tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Quận TB	BD0023O	Sở GD&ĐT	140	65	50		115	82.14%	Q.TÂN BÌNH
106	Trường THPT Thủ Khoa Huân	BD0066O	Sở GD&ĐT	91	78			78	85.71%	Q.TÂN BÌNH
107	Trường THPT năng khiếu TDTT huyện Bình Chánh	BD0059P	Sở GD&ĐT	150	101			101	67.33%	H.BÌNH CHÁNH
108	TT Giáo dục thường xuyên huyện Bình Chánh	BD0046P	Sở GD&ĐT	283	214			214	75.62%	H.BÌNH CHÁNH
109	Trường THPT Tân Túc	BD0047P	Sở GD&ĐT	1.500	1.282			1.282	85.47%	H.BÌNH CHÁNH
110	Trường THPT Lê Minh Xuân	BD0054P	Sở GD&ĐT	1.945	1.713			1.713	88.07%	H.BÌNH CHÁNH

STT	KHỐI QUẢN LÝ			Tổng số HSSV đang quản lý	70%	Tổng số thẻ khác	Trong đó tham gia theo HGD	Tổng	Tỷ lệ %	Ghi chú
	Tên trường, Trung tâm	Mã đơn vị	Cấp quản lý							
111	Trường THPT Bình Chánh	BD0055P	Sở GD&ĐT	1.326	1.183			1.183	89.22%	H.BÌNH CHÁNH
112	Trường Trung cấp Tây Sài Gòn	BD0078Q	Sở GD&ĐT	150	-	-	-	-	0.00%	H.CỦ CHI
113	Trường Trung Cấp Bách Khoa Sài Gòn	BD0069Q	Sở GD&ĐT	500	98	-	-	98	19.60%	H.CỦ CHI
114	Trường THPT An Nhơn Tây	BD0028Q	Sở GD&ĐT	977	576	30	2	608	62.23%	H.CỦ CHI
115	Trường THPT Phú Hòa	BD0064Q	Sở GD&ĐT	1.250	848	-	-	848	67.84%	H.CỦ CHI
116	Trường THPT Tân Thông Hội	BD0046Q	Sở GD&ĐT	1.500	1.056	2	-	1.058	70.53%	H.CỦ CHI
117	TT Giáo Dục Thường Xuyên	BD0055Q	Sở GD&ĐT	470	327	12	5	344	73.19%	H.CỦ CHI
118	Trường THPT Củ Chi	BD0012Q	Sở GD&ĐT	1.800	1.380	6	-	1.386	77.00%	H.CỦ CHI
119	Trường THPT Trung Lập	BD0013Q	Sở GD&ĐT	600	434	69	1	504	84.00%	H.CỦ CHI
120	Trường THPT Trung Phú	BD0014Q	Sở GD&ĐT	1.827	1.529	28	5	1.562	85.50%	H.CỦ CHI
121	Trường THPT Quang Trung	BD0016Q	Sở GD&ĐT	1.050	891	43	-	934	88.95%	H.CỦ CHI
122	TT giáo dục thường xuyên	BD0029R	Sở GD&ĐT	36	11	-		11	30.56%	H.CẦN GIỜ
123	Trường THPT Cần Thạnh	BD0002R	Sở GD&ĐT	743	315	69		384	51.68%	H.CẦN GIỜ
124	Trường THPT An Nghĩa	BD0028R	Sở GD&ĐT	870	287	430		717	82.41%	H.CẦN GIỜ
125	Trường THPT Bình Khánh	BD0005R	Sở GD&ĐT	628	222	301		523	83.28%	H.CẦN GIỜ
126	Trường TC Kinh tế - Kỹ thuật Hóc Môn	BD0048S	Sở GD&ĐT	745	560	-		560	75.17%	H.HÓC MÔN
127	Trung Tâm GDTX Hóc Môn	BD0008S	Sở GD&ĐT	708	557	-		557	78.67%	H.HÓC MÔN
128	Trường Nguyễn Hữu Tiến	BD0020S	Sở GD&ĐT	1.448	1.236	-		1.236	85.36%	H.HÓC MÔN
129	(THPT) CN Trường THCS THPT Nam Việt CS2	BD0052S	Sở GD&ĐT	778	675	-		675	86.76%	H.HÓC MÔN
130	HSSV Trung tâm GDTX Nhà Bè	BD0022T	Sở GD&ĐT	84	44			44	52.38%	H.NHÀ BÈ
131	HSSV Trường THPT Long Thới	BD0008T	Sở GD&ĐT	849	655			655	77.15%	H.NHÀ BÈ
132	HSSV Trường THPT Quốc Tế Mỹ	BD0025T	Sở GD&ĐT	958	761			761	79.44%	H.NHÀ BÈ
133	Trường Trung Cấp Quang Trung	BD0051Y	Sở GD&ĐT	430	37		-	37	8.60%	Q.BÌNH TÂN
134	Trường cao đẳng quốc tế sài gòn	BD0076Y	Sở GD&ĐT	613	259		-	259	42.25%	Q.BÌNH TÂN
135	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	BD0036V	Sở GD&ĐT	55				-	0.00%	Q.TÂN PHÚ
136	Trường Trung Cấp Phương Nam (HSSV)	BD0023V	Sở GD&ĐT	900	124			124	13.78%	Q.TÂN PHÚ
137	Trường Trung Cấp Kinh tế - Kỹ Thuật Tây Nam á	BD0005V	Sở GD&ĐT	100	45			45	45.00%	Q.TÂN PHÚ
138	Trường THPT Nhân Việt	BD0043V	Sở GD&ĐT	570	391			391	68.60%	Q.TÂN PHÚ
139	Trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Nam Việt	BD0050V	Sở GD&ĐT	429	303			303	70.63%	Q.TÂN PHÚ
140	Trung Tâm GDTX Q.Tân Phú TP.HCM	BD0022V	Sở GD&ĐT	1.876	1.340			1.340	71.43%	Q.TÂN PHÚ

STT	KHỐI QUẢN LÝ			Tổng số HSSV đang quản lý	70%	Tổng số thẻ khác	Trong đó tham gia theo HGD	Tổng	Tỷ lệ %	Ghi chú
	Tên trường, Trung tâm	Mã đơn vị	Cấp quản lý							
141	Trường THPT Trần Quốc Toàn (HSSV)	BD0049V	Sở GD&ĐT	43	31			31	72.09%	Q.TÂN PHÚ
142	Trường THPT Vĩnh Viễn	BD0051V	Sở GD&ĐT	280	231			231	82.50%	Q.TÂN PHÚ
143	Trường TH, THCS và THPT Quốc Văn Sài Gòn	BD0041V	Sở GD&ĐT	101	88			88	87.13%	Q.TÂN PHÚ
144	Trường THPT Thành Nhân (HSSV)	BD0045V	Sở GD&ĐT	829	728			728	87.82%	Q.TÂN PHÚ
145	Trường THCS và THPT Khai Minh	BD0040V	Sở GD&ĐT	172	153			153	88.95%	Q.TÂN PHÚ
146	Trường THPT Tân Bình	BD0058V	Sở GD&ĐT	2.060	1.835			1.835	89.08%	Q.TÂN PHÚ
147	Trường THPT Minh Đức (HS)	BD0032V	Sở GD&ĐT	334	298			298	89.22%	Q.TÂN PHÚ
148	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Huân	BD0054	Sở GD&ĐT	1.924	1.632			1.632	84.82%	Q.THỦ ĐỨC
149	Trung tâm Giáo Dục Thường Xuyên	BD0023	Sở GD&ĐT	1.040	676			676	65.00%	Q.THỦ ĐỨC
150	Trường Trung cấp KT-CN Đại Việt	BD0043	Sở GD&ĐT	371	109	104		213	57.41%	Q.THỦ ĐỨC
151	Trường Trung cấp Đông Dương	BD0049	Sở GD&ĐT	145	122			122	84.14%	Q.THỦ ĐỨC
152	TT GDTX Lê Quý Đôn	BD0286Z	Sở GD&ĐT	135	52	-		52	38.52%	THÀNH PHỐ
153	Trung Tâm GDTX Chu Văn An	BD0246Z	Sở GD&ĐT	500	286	-		286	57.20%	THÀNH PHỐ
154	Trường THPT Đa Phước	BD0233Z	Sở GD&ĐT	1.000	747	-		747	74.70%	THÀNH PHỐ
	TỔNG CỘNG:			116.272	83.464	1.250	13	84.727	72.87%	

Ngày tháng năm 2018